

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 5 - 2021

“V/v: *Ly hôn và  
tranh chấp về nuôi con chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Dự

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Nguyễn Công Chính  
- Bà Nguyễn Thị Bạ

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Bình - kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 05 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 721/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2020, về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Hồng N (có mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

**- Bị đơn:** Ông Hoàng Đức P (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Đang chấp hành án tại: Đội số 8, phân trại 2, trại giam АД; địa chỉ: Xã АД, huyện ĐL, tỉnh QN.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N trình bày:**  
Tôi và ông Hoàng Đức P tự nguyện tìm hiểu và sống với nhau từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã HT vào năm 2015.

Trong quá trình sống chung có một người con là Hoàng Trần Anh T – sinh

ngày 06/10/2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh P được một năm đầu tiên sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng tôi làm ăn phạm pháp dẫn đến phải đi tù.

Nay nguyện vọng của tôi là được ly hôn với ông Hoàng Đức P và yêu cầu được nuôi con chung, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung tôi không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

**\* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hoàng Đức P trình bày:**

Tôi và bà Trần Thị Hồng N tự nguyện kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã HT, thành phố B, Đắk Lắk. Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2012 cho đến năm 2013 thì có 01 con chung là cháu Hoàng Trần Anh T đến năm 2015 thì đăng ký kết hôn. Đến tháng 11/2016 thì tôi phạm tội và đi tù cho đến nay. Nay vợ tôi xin ly hôn tôi đồng ý ly hôn vì tôi thấy hoàn cảnh của tôi không thể tạo dựng một gia đình hạnh P cho vợ.

Về con chung tôi đồng ý giao con chung cho vợ tôi là Trần Thị Hồng N nuôi dưỡng, sau khi thi hành án xong thì tôi có nguyện vọng nhận nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị Hồng N và ông Hoàng Đức P kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 20/4/2015, quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà N nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh P, đời sống chung không thể kéo dài, hiện nay ông P đang chấp hành án tại trại giam, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông P và đề nghị được nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hoàng Đức P, có địa

chỉ tại thành phố Buôn Ma Thuột, vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Hoàng Đức P và ông P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông P theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng N và ông Hoàng Đức P tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 20/4/2015, quyền số 01/2015), đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, bà N xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông P không còn.

Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà N, ông P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà N yêu cầu ly hôn với ông P và ông P đồng ý ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về con chung: Bà Trần Thị Hồng N và ông Hoàng Đức P có 01 người con là Hoàng Trần Anh T – sinh ngày 06/10/2013. Hiện nay đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N có nguyện nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay con chung đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông P đang chấp hành án tại trại giam. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần và xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu T, cũng như nguyện vọng của các cháu muốn ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao Hoàng Trần Anh T cho bà Trần Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trần Thị Hồng N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Hoàng Đức P có quyền và nghĩa vụ thăm non, chăm sóc con chung không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Hồng N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng N được ly hôn với ông Hoàng Đức P

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Trần Anh T – sinh ngày 06/10/2013 cho bà Trần Thị Hồng N nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Hoàng Đức P có quyền và nghĩa vụ thăm non, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0012864 ngày 15/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP BMT;
- Chi cục THADS TP BMT;
- UBND phường TH;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Huỳnh Văn Dự**